

Số: **21**/2016/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định chính sách hỗ trợ đặc thù
khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục giống vật nuôi cao sản;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của

Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

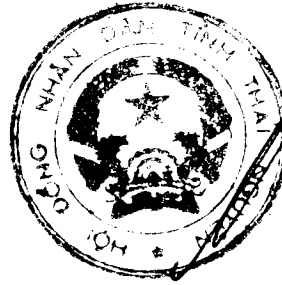
Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XIII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 8 năm 2016./.

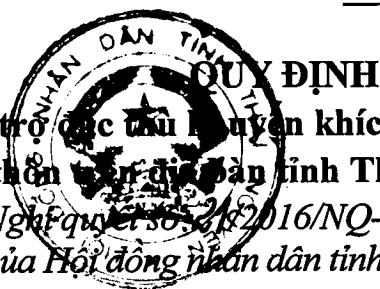
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước khu vực X;
- Các Sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Phòng nghiệp vụ thuộc VP;
- Các CV Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa



Chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 218/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh Thái Nguyên dành cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020.

2. Những nội dung liên quan đến chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không nêu trong Quy định này được thực hiện theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với nhà đầu tư được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định này.

3. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc làm gia công cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ không thuộc đối tượng áp dụng tại quy định này.

Điều 3. Điều kiện chung đối với các dự án được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù

1. Chính sách hỗ trợ đặc thù được áp dụng đối với các dự án đầu tư vào sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, thuộc lĩnh vực do tỉnh Thái Nguyên ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trong giai đoạn 2016-2020, dự án có quy mô và mức hỗ trợ dưới mức hỗ trợ của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc có quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt; đồng thời phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

2. Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Thái Nguyên, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, các quy định khác có liên quan và những nội dung tại quy định này.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

1. Ưu tiên dự án gắn với Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Doanh nghiệp khi xây dựng vùng nguyên liệu mà có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân thì được ưu tiên xem xét trước theo chính sách hỗ trợ đặc thù.

3. Doanh nghiệp chỉ được nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước một chính sách cho cả chu kỳ dự án và chỉ được nhận hỗ trợ sau khi đã thực hiện đầu tư.

4. Trong cùng một dự án, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau của các chính sách khác nhau trên địa bàn tỉnh, thì doanh nghiệp có quyền lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất của một trong các chính sách hiện hành.

5. Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước không thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách quy định tại quy định này.

CHƯƠNG II

ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 5. Hỗ trợ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án

Doanh nghiệp thực hiện đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm các sản phẩm nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020 được quy định trong Quy định này, thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng theo đơn giá bồi thường, giải phóng mặt bằng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm triển khai dự án, nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung được ngân sách hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Hỗ trợ 50% chi phí giết mổ nhưng không quá 0,8 tỷ đồng/dự án, không vượt định mức: 35.000 đồng/con đối với lợn, dê; 100.000 đồng/con đối với trâu, bò; 1.500 đồng/con đối với gia cầm. Thời gian hỗ trợ cho doanh nghiệp trong 02 năm đầu, kể từ khi nhà máy hoạt động có sản phẩm.

c) Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1, Điều này, dự án còn được hỗ trợ thêm 70% chi phí và không quá 01 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục ngoài hàng rào dự án.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều này, ngoài các điều kiện quy định tại Điều 3, phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Công suất giết mổ mỗi dự án phải đạt tối thiểu:

- 35 con trâu, bò, ngựa/ngày đêm; hoặc 140 con lợn, dê/ngày đêm; hoặc 1.400 con gia cầm/ngày đêm.

- Đối với dự án giết mổ gia súc, gia cầm hỗn hợp thì quy đổi 01 con trâu, bò, ngựa tương đương 04 con lợn, dê hoặc tương đương 40 con gia cầm; 01 con lợn, dê tương đương 10 con gia cầm.

b) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (Trâu, bò, dê, ngựa; lợn thịt, lợn nái sinh sản); chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, ngan) có quy mô chăn nuôi tập trung được ngân sách hỗ trợ 30% chi phí để xây dựng cơ sở hạ tầng trong hàng rào (giao thông, hệ thống điện, nước, chuồng trại, xử lý chất thải, đồng cỏ, mua thiết bị); nếu dự án nhập khẩu giống vật nuôi cao sản (có danh mục kèm theo quy định) được hỗ trợ 30% chi phí nhập khẩu, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ một dự án không quá:

a) 1,5 tỷ đồng/dự án đối với dự án thực hiện tại địa bàn hai huyện: Định Hóa, Võ Nhai.

b) 1,25 tỷ đồng/dự án đối với dự án thực hiện tại địa bàn các huyện: Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình.

c) 1,0 tỷ đồng/dự án đối với dự án thực hiện tại địa bàn thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên.

2. Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1, Điều này, dự án còn được hỗ trợ thêm 70% chi phí và không quá 01 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục ngoài hàng rào dự án.

3. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này, ngoài các điều kiện quy định tại Điều 3, phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có quy mô chăn nuôi theo đầu con gia súc, gia cầm thường xuyên tập trung tối thiểu: 200 con đối với trâu, bò, ngựa thịt (giống nội, giống lai) trở lên; hoặc 100 con đối với bò thịt cao sản nhập ngoại trở lên; hoặc 200 con đối với lợn nái sinh sản cấp bố mẹ trở lên; hoặc 500 con đối với lợn thịt, dê thịt trở lên; hoặc 15.000 con đối với gia cầm sinh sản cấp bố mẹ trở lên; hoặc 20.000 con đối với gia cầm thịt trở lên.

b) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật.

Điều 8. Hỗ trợ trồng cây dược liệu, trồng rau an toàn, hoa, nấm

1. Doanh nghiệp có dự án trồng cây dược liệu (theo danh mục giống cây dược liệu do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt), trồng rau an toàn, hoa, nấm được ngân sách hỗ trợ như sau:

a) Dự án trồng cây dược liệu: Hỗ trợ 15 triệu đồng/ha để xây dựng nhà vườn ươm cây, cải tạo vùng sản xuất và hỗ trợ cây giống;

b) Dự án trồng rau an toàn, hoa, nấm: Hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 0,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng hệ thống giao thông, điện, cấp thoát nước, kênh mương, thủy lợi nội đồng, xây dựng nhà lưới, hệ thống thu gom và xử lý chất thải, trang thiết bị.

2. Dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều này, ngoài các điều kiện quy định tại Điều 3, phải bảo đảm điều kiện sau đây:

a) Cây dược liệu nằm trong danh mục các loài dược liệu tập trung phát triển do Bộ Y tế công bố hiện hành, có quy mô tập trung từ 15 ha trở lên.

b) Đối với dự án trồng rau an toàn, hoa có quy mô liền vùng diện tích từ 15 ha trở lên đối với diện tích trồng ngoài trời; hoặc từ 05 ha trở lên đối với diện tích trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; hoặc 01 ha trở lên đối với diện tích trồng trong nhà lưới, nhà kính; hoặc 01 ha trở lên đối với diện tích trồng nấm trong nhà.

c) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hỗ trợ đầu tư nuôi trồng thủy sản

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư nuôi thâm canh thủy sản tập trung liền vùng, dự án nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa nước được hỗ trợ 50% chi phí để xây dựng cơ sở hạ tầng: Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải; hỗ trợ 50% kinh phí mua lồng nuôi. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá:

a) Đối với dự án thực hiện tại địa bàn huyện Định Hóa, huyện Võ Nhai: 0,6 tỷ đồng/dự án.

b) Đối với dự án thực hiện tại địa bàn huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ, huyện Phú Bình: 0,5 tỷ đồng/dự án.

c) Đối với dự án thực hiện tại địa bàn thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên: 0,4 tỷ đồng/dự án.

2. Dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều này, ngoài các điều kiện quy định tại Điều 3, phải bảo đảm điều kiện sau đây:

a) Dự án nuôi thâm canh thủy sản tập trung liền vùng có diện tích từ 03 ha đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, từ 05 ha trở lên đối với địa bàn còn lại; dự án nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa có quy mô từ 35 lồng trở lên (thể tích 40m³/lồng trở lên), chất lượng lồng đóng mới phải đảm bảo thời gian sử dụng tối thiểu 05 năm trở lên.

b) Đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hỗ trợ đầu tư chế biến gỗ rừng trồng

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư nhà máy chế biến gỗ rừng trồng, sản xuất gỗ ván MDF, HDF được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 03 tỷ đồng/nhà máy để xây dựng cơ sở hạ tầng: Giao thông, điện, nước, nhà xưởng và xử lý chất thải.

2. Dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều này, ngoài các điều kiện quy định tại Điều 3, phải bảo đảm điều kiện sau đây:

a) Công suất nhà máy tối thiểu đạt 15.000 m³ MDF, HDF/năm.

b) Các nhà máy sản xuất ván MDF, HDF phải kết hợp với sản xuất ván sàn, ván thanh, ván ghép thanh, ván ép để tránh lãng phí tài nguyên.

c) Thiết bị được sản xuất tại các nước phát triển; trường hợp sản xuất tại các nước đang phát triển thì thiết bị phải mới 100%.

d) Diện tích rừng trồng và nguyên liệu hiện có trên địa bàn tỉnh phải đủ cho nhà máy hoạt động tối thiểu 60% công suất trong 5 năm đầu tiên.

đ) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở, nhà máy: Chế biến chè xanh; bảo quản, chế biến rau, củ, quả, nấm; bảo quản, chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm được ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng nhà xưởng, hệ thống giao thông, điện, nước, xử lý chất thải và mua thiết bị (trong hàng rào dự án).

Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì ngoài mức hỗ trợ trên, dự án còn được hỗ trợ thêm 70% chi phí và không quá 01 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục ngoài hàng rào dự án. Cụ thể:

a) Hỗ trợ nhà máy chế biến chè xanh (có bao, bì, hộp đóng gói sản phẩm); hoặc các sản phẩm chế biến từ chè như: Chè túi lọc, chè xanh hòa tan, nước giải khát đóng chai chè xanh.

b) Hỗ trợ cơ sở bảo quản, chế biến rau, củ, quả, nấm đóng túi, đóng chai, đóng hộp.

c) Hỗ trợ cơ sở bảo quản, chế biến thịt, các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm.

2. Dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều này, ngoài các điều kiện quy định tại Điều 3, phải bảo đảm điều kiện sau đây:

a) Công suất cơ sở chế biến chè xanh (có bao, bì, hộp đóng gói sản phẩm), chè túi lọc, chè xanh hòa tan đạt tối thiểu 250 tấn sản phẩm khô/năm; cơ sở sản xuất nước giải khát đóng chai chè xanh công suất tối thiểu 1,5 triệu lít/năm.

b) Công suất cơ sở bảo quản, chế biến rau, củ, quả đạt tối thiểu 5.000 tấn sản phẩm/năm.

c) Công suất cơ sở bảo quản, chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm đạt tối thiểu 1.000 tấn sản phẩm/năm.

d) Dự án thực hiện chế biến sâu tới các sản phẩm hoàn chỉnh cho người tiêu dùng, có sức cạnh tranh trên thị trường, sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ tại Thái Nguyên và được ghi trên nhãn sản phẩm.

đ) Thiết bị, dây chuyền công nghệ phải đảm bảo mới 100%, hoặc là dây chuyền đã qua sử dụng nhưng phải có nguồn gốc xuất xứ từ các nước phát triển.

e) Đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nguồn vốn đầu tư và cơ chế hỗ trợ đầu tư

1. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư

Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020 được cân đối từ ngân sách địa phương hàng năm.

a) Vốn đầu tư phát triển: Hàng năm trích từ 2% đến 5% tổng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh và nguồn vốn hợp pháp khác (nguồn vượt thu để lại đầu tư, vốn vay tín dụng ưu đãi nếu có) để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng (giao thông, thủy lợi, hệ thống điện, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, thiết bị, dây chuyền máy móc) theo Quy định này.

b) Vốn sự nghiệp kinh tế: Thực hiện hỗ trợ đầu tư cây giống, con giống, vật tư nhà lưới, nhà kính, lồng nuôi cá, đồng cỏ, chi phí giết mổ gia súc gia cầm.

2. Cơ chế hỗ trợ đầu tư

a) Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư; khi hạng mục đầu tư, gói thầu chính (phục vụ trực tiếp cho sản xuất) của dự án hoàn thành 100% khối lượng thì được giải ngân 70% kinh phí hỗ trợ tương ứng với giá trị khối lượng đã thực hiện của hạng mục, gói thầu đó, nhưng không vượt 70% tổng kinh phí hỗ trợ cho toàn bộ dự án. Sau khi dự án hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng sản xuất và được nghiệm thu thì được giải ngân mức vốn hỗ trợ còn lại.

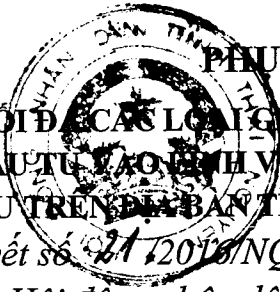
b) Phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được coi như phần vốn đối ứng của doanh nghiệp, Nhà nước bảo lãnh phần vốn này khi doanh nghiệp vay vốn đầu tư từ ngân hàng thương mại để thực hiện dự án đó.

c) Trường hợp doanh nghiệp thực hiện không đúng nội dung được ưu đãi, hỗ trợ so với Quyết định hỗ trợ đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi các khoản ưu đãi, hỗ trợ của nội dung thực hiện không đúng và nộp về ngân sách nhà nước hoặc chuyển hỗ trợ cho dự án khác đã có quyết định ưu đãi đầu tư.

CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa

**PHỤ LỤC:**


ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ TỐI ĐA CÁC LOẠI GIỐNG CÂY TRỒNG, GIỐNG VẬT NUÔI CAO SẢN THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO KHU VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN ĐƯỢC ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN, GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Loại cây trồng, vật nuôi	Giống vật nuôi cao sản	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ tối đa (1.000đ)	Ghi chú
I	Cây trồng	Giống cây dược liệu (Do Sở Y tế trình UBND tỉnh phê duyệt)	1 cây	<20	UBND tỉnh quyết định cụ thể
II	Vật nuôi				
1	Bò thịt	Red Sindhi, Sahiwal, Brahman, Droughtmaster, Red Angus, BBB, Limousine, Crimousine, Simmental, Charolaise, Hereford, Santagestrudis,	1 con	20.000	
2	Trâu	Murrah	1 con	20.000	
3	Ngựa	Cabadin	1 con	20.000	
4	Dê	Saanen; Alpine, Barbari, Beetal, Jumnapari, Boer	1 con	15.000	
5	Lợn	Yorkshine, Landrace, Duroc, Pietrain, Pietrain kháng stress, Hampshire, Edell, Dalland, Cornwall, Berkshire	1 con	15.000	
6	Gà	Ross, Leghorn, Sasso, Kabir, Tam Hoàng, Lương Phượng, Dominant, Ai Cập, Cobb, Hubbard, A.A., Lohmann, Avian, Isa, Indian River Meat, Redbro, Novogen, Zolo, Gà sao, Hisex Brown, Brown Nick, Hyline, Goldline, Babcock	1 con	1.000	
7	Vịt	Super M (SM), Star (ST), M14, M15 (MT), Khaki Campbell, Triết Giang, CV2000	1 con	1.000	
8	Ngan	Ngan Pháp	1 con	1.000	

Ghi chú: Áp dụng danh mục kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục giống vật nuôi cao sản.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

 10